

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Minh Sâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

2. Ông Lê Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nèang Sa Men, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số: 311/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Minh T, sinh năm: 1989; địa chỉ: tổ 8, khóm X, thị trấn T, huyện TB, tỉnh A;

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Hữu P, sinh năm: 1986; địa chỉ nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện TB, tỉnh A.

Chị Trương Thị Minh T có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Đỗ Hữu P vắng mặt không rõ lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Minh T trình bày: Chị T và anh P kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2008 ngày 05/3/2008; Trong thời gian chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên đã không sống chung với nhau 10 năm nay; Nay nhận thấy tình cảm không còn, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh P

Trong thời gian chung sống tôi và anh P có 01 con chung Đỗ Thị Bích Phượng, sinh ngày 10/10/2008 đang sống chung với chị T; Chị T yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi dạy con chung;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành, do anh Đỗ Hữu P vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên vẫn còn để án quá thời hạn xét xử luật định;

+ Hội đồng xét xử: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật gồm một thẩm phán, hai Hội thẩm nhân dân;

+ Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Nhận thấy,

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trương Thị Minh T và anh Đỗ Hữu P xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên chị T và anh P đã không sống chung với nhau khoảng 10 năm nay, nên mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trương Thị Minh T ly hôn với anh Đỗ Hữu P;

+ **Về con chung:** Chị Trương Thị Minh T và anh Đỗ Hữu P có 01

con chung tên Đỗ Thị Bích P, sinh ngày 10/10/2008 đang sống chung với chị T; Chị T yêu cầu nuôi dạy con chung, cháu Phượng cũng có ý kiến sống chung với chị T, nên yêu cầu nuôi con chung của chị T là phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên xem xét chấp nhận; Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Trương Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Hữu P, anh P đang cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Minh T và anh Đỗ Hữu P kết hôn, 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2008 ngày 05/3/2008. Nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, chị T và anh P đã xảy ra mâu thuẫn, chị T và anh P đã sống ly thân từ 10 năm nay phù hợp với kết quả xác minh ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, nhận thấy chị T và anh P không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được; nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Minh T và anh Đỗ Hữu P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, chị Trương Thị Minh T và anh Đỗ Hữu P có một con chung tên Đỗ Thị Bích Phượng, sinh ngày 10/10/2008 đang sống chung với chị T; Chị T yêu cầu nuôi dạy con chung, yêu cầu của chị T cũng phù hợp với ý

kiến của cháu Phụng; Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận để cháu Phụng cho chị T nuôi dạy; Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi dạy con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung, chị Trương Thị Minh T và anh Đỗ Hữu P không có. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí, chị Trương Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Đỗ Hữu P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 58 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Minh T với anh Đỗ Hữu P.

Về con chung: Chị Trương Thị Minh T được quyền nuôi dạy cháu Đỗ Thị Bích Phụng, sinh ngày 10/10/2008; Anh Đỗ Hữu P không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung;

Chị Trương Thị Minh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đỗ Hữu P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Chị Trương Thị Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên theo biên lai thu số TU/2017/0004860 ngày 06 tháng 12 năm 2019; Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Đỗ Hữu P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2008 ngày 05/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trương Thị Minh T có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm; Riêng thời hạn kháng cáo của anh Đỗ Hữu P là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân H. Tịnh Biên (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang(1);
- Thi hành án DS H. Tịnh Biên(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cù Minh Sâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cù Minh Sâm